



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BIỂU PHÍ SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE TRỌN ĐỜI THUỘC GÓI GIẢI PHÁP BẢO HIỂM AIA – TRỌN TÂM AN 2.0

1. Quyền lợi chính

Phạm vi địa lý: Việt Nam

Đơn vị tính: Đồng

Tuổi bảo hiểm	Chương trình bảo hiểm		
	Nâng Cao	Toàn Diện	Hoàn Hào
0-4	5.417.000	10.697.000	15.309.000
5-9	3.608.000	6.477.000	9.269.000
10-14	2.174.000	3.978.000	5.920.000
15-19	2.610.000	4.685.000	6.874.000
20-24	3.038.000	5.493.000	7.845.000
25-29	3.376.000	6.169.000	9.089.000
30-34	3.695.000	6.722.000	9.940.000
35-39	4.223.000	7.688.000	11.081.000
40-44	4.652.000	8.543.000	12.428.000
45-49	5.598.000	10.254.000	14.806.000
50-54	6.769.000	12.331.000	17.884.000
55-59	7.764.000	14.217.000	20.444.000
60-64	9.082.000	16.454.000	23.768.000
65-69	9.873.000	17.994.000	25.964.000
70-74	11.097.000	20.180.000	29.097.000
75-79	10.352.000	18.583.000	26.594.000
80-84	13.900.000	24.950.000	35.708.000

Ghi chú: Mức phí ở tuổi từ 71 đến 84 chỉ áp dụng cho tình huống tái tục.



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

Phạm vi địa lý: Toàn cầu trừ Hoa Kỳ

Đơn vị tính: Đồng

Tuổi bảo hiểm	Chương trình bảo hiểm		
	Nâng Cao	Toàn Diện	Hoàn Hảo
0-4	7.264.000	14.344.000	20.528.000
5-9	4.838.000	8.684.000	12.429.000
10-14	2.915.000	5.334.000	7.939.000
15-19	3.500.000	6.283.000	9.217.000
20-24	4.179.000	7.334.000	10.829.000
25-29	4.575.000	8.372.000	12.140.000
30-34	4.960.000	9.075.000	13.356.000
35-39	5.708.000	10.366.000	14.915.000
40-44	6.236.000	11.532.000	16.680.000
45-49	7.512.000	13.890.000	19.885.000
50-54	9.112.000	16.716.000	24.094.000
55-59	10.505.000	19.214.000	27.454.000
60-64	12.233.000	22.270.000	31.969.000
65-69	13.342.000	24.345.000	34.920.000
70-74	14.808.000	27.021.000	38.671.000
75-79	13.882.000	24.917.000	35.660.000
80-84	18.639.000	33.456.000	47.880.000

Ghi chú: Mức phí ở tuổi từ 71 đến 84 chỉ áp dụng cho tình huống tái tục.



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

2. Quyền lợi Điều trị Ngoại trú

Đơn vị tính: Đồng

Tuổi bảo hiểm	Chương trình bảo hiểm		
	Nâng Cao	Toàn Diện	Hoàn Hảo
0-4	3.789.000	8.147.000	12.089.000
5-9	1.975.000	4.247.000	6.302.000
10-14	1.744.000	3.750.000	5.565.000
15-19	1.813.000	3.899.000	5.786.000
20-24	1.640.000	3.527.000	5.233.000
25-29	1.744.000	3.750.000	5.565.000
30-34	1.906.000	4.098.000	6.081.000
35-39	2.056.000	4.421.000	6.560.000
40-44	2.090.000	4.496.000	6.671.000
45-49	2.206.000	4.744.000	7.039.000
50-54	2.218.000	4.769.000	7.076.000
55-59	2.252.000	4.843.000	7.187.000
60-64	2.264.000	4.868.000	7.224.000
65-69	2.275.000	4.893.000	7.261.000
70-74	2.853.000	6.135.000	9.103.000
75-79	3.972.000	8.542.000	12.675.000
80-84	5.588.000	12.016.000	17.829.000

Ghi chú: Mức phí ở tuổi từ 71 đến 84 chỉ áp dụng cho tình huống tái tục.



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

3. Quyền lợi Chăm sóc Nha khoa

Đơn vị tính: Đồng

Tuổi bảo hiểm	Chương trình bảo hiểm		
	Nâng Cao	Toàn Diện	Hoàn Hảo
0-4	939.000	2.189.000	4.009.000
5-9	1.619.000	3.749.000	6.869.000
10-14	1.449.000	3.359.000	6.149.000
15-19	1.329.000	3.079.000	5.649.000
20-24	1.089.000	2.539.000	4.639.000
25-29	1.079.000	2.519.000	4.599.000
30-34	1.129.000	2.629.000	4.819.000
35-39	1.189.000	2.749.000	5.039.000
40-44	1.349.000	3.129.000	5.729.000
45-49	1.429.000	3.309.000	6.069.000
50-54	1.389.000	3.209.000	5.889.000
55-59	1.379.000	3.179.000	5.839.000
60-64	1.379.000	3.179.000	5.839.000
65-69	1.379.000	3.179.000	5.839.000
70-74	1.379.000	3.179.000	5.839.000
75-79	1.379.000	3.179.000	5.839.000
80-84	1.379.000	3.179.000	5.839.000

Ghi chú: Mức phí ở tuổi từ 71 đến 84 chỉ áp dụng cho tình huống tái tục.